

SÁCH KỸ NĂNG SỐNG TẶNG BIỂU TỪ CÔNG TY SÁCH ALPHA
(Vị trí: Phòng đọc 402 và phòng mượn 102)

| STT | Mã vạch | Ký hiệu xếp giá | Nhan đề |
|-----|--------------|-----------------------|--|
| 1 | 000000127121 | B105 .Đ450N 2019 | Tư duy biện luận: Nghĩ hay hơn hay nghĩ = Critical thinking / Đỗ Thị Diệu Ngọc, Nguyễn Huy Cường |
| 2 | 000000127122 | B105 .Đ450N 2019 | Tư duy biện luận: Nghĩ hay hơn hay nghĩ = Critical thinking / Đỗ Thị Diệu Ngọc, Nguyễn Huy Cường |
| 3 | 000000127137 | BC177 .W206A T.1-2018 | Viết gì cũng đúng: Các thủ thuật để thành công trong tranh luận = A rulebook for arguments, Tập 1 / Anthony Weston; Khanh Chương dịch |
| 4 | 000000127138 | BC177 .W206A T.1-2018 | Viết gì cũng đúng: Các thủ thuật để thành công trong tranh luận = A rulebook for arguments, Tập 1 / Anthony Weston; Khanh Chương dịch |
| 5 | 000000127123 | BF1275 .A102V 2018 | Tôi muốn cuộc đời như tôi muốn = How I brave anu auntry and co-founded a million dollar company/ Varun Agarwal; Chiêu Minh dịch |
| 6 | 000000127124 | BF1275 .A102V 2018 | Tôi muốn cuộc đời như tôi muốn = How I brave anu auntry and co-founded a million dollar company/ Varun Agarwal; Chiêu Minh dịch |
| 7 | 000000127105 | BF323 .G112B 2017 | Hãy tò mò như một đứa trẻ: Công cụ giúp tăng cường trí nhớ và khả năng học tập, làm việc của bạn = A curious mind: The secret to a bigger life / Brian Grazer, Charles Fishman; Thảo Nguyên dịch |
| 8 | 000000127106 | BF323 .G112B 2017 | Hãy tò mò như một đứa trẻ: Công cụ giúp tăng cường trí nhớ và khả năng học tập, làm việc của bạn = A curious mind: The secret to a bigger life / Brian Grazer, Charles Fishman; Thảo Nguyên dịch |
| 9 | 000000127119 | BF335 .D506C 2019 | Sức mạnh của thói quen = The power of habit / Charles Duhigg; Lê Thảo Ly dịch |
| 10 | 000000127120 | BF335 .D506C 2019 | Sức mạnh của thói quen = The power of habit / Charles Duhigg; Lê Thảo Ly dịch |
| 11 | 000000127156 | BF335 .S435S 2020 | Ngay bây giờ hoặc không bao giờ: 23 thói quen chống lại sự trì hoãn = 23 anti-procrastination habits / S. J. Scott; Minh Minh dịch |
| 12 | 000000127157 | BF335 .S435S 2020 | Ngay bây giờ hoặc không bao giờ: 23 thói quen chống lại sự trì hoãn = 23 anti-procrastination habits / S. J. Scott; Minh Minh dịch |
| 13 | 000000127133 | BF335 .V534J 2019 | 30 ngày thay đổi thói quen: Hành trình tìm kiếm và nuôi dưỡng phiên bản tuyệt vời nhất của bạn / Jen Vuhuong |
| 14 | 000000127134 | BF335 .V534J 2019 | 30 ngày thay đổi thói quen: Hành trình tìm kiếm và nuôi dưỡng phiên bản tuyệt vời nhất của bạn / Jen Vuhuong |
| 15 | 000000127154 | BF335 .Y600W 2019 | Chiến dịch thoát lười: Những thói quen vàng, thói quen tự giác / Yang Hye Won; Lee Young Rim minh họa; Hà Hương dịch |
| 16 | 000000127155 | BF335 .Y600W 2019 | Chiến dịch thoát lười: Những thói quen vàng, thói quen tự giác / Yang Hye Won; Lee Young Rim minh họa; Hà Hương dịch |
| 17 | 000000127148 | BF432.3 .A109T 2017 | Bạn thông minh hơn bạn nghĩ = You' re smarter than you think / Thomas Armstrong; Thu Trang, Ngọc Bình, Hoàng Thái dịch |

| | | | |
|----|--------------|----------------------|--|
| 18 | 000000127149 | BF432.3 .A109T 2017 | Bạn thông minh hơn bạn nghĩ = You're smarter than you think / Thomas Armstrong; Thu Trang, Ngọc Bình, Hoàng Thái dịch |
| 19 | 000000127145 | BF441 .K102D 2020 | Tư duy nhanh và chậm nên hay k nên tin vào trực giác? = Thinking fast and slow / Daniel Kahneman; Hương Lan, Xuân Thanh dịch; Đào Thị Hương Lan, Nguyễn Văn Tuấn hiệu đính |
| 20 | 000000127146 | BF441 .K102D 2020 | Tư duy nhanh và chậm nên hay k nên tin vào trực giác? = Thinking fast and slow / Daniel Kahneman; Hương Lan, Xuân Thanh dịch; Đào Thị Hương Lan, Nguyễn Văn Tuấn hiệu đính |
| 21 | 000000127073 | BF449 .T434S 2018 | Tư duy như Einstein: Các phương pháp đơn giản để phá vỡ nguyên tắc và khám phá khả năng thiên tài tiềm ẩn trong bạn = How to think like Einstein / Scott Thorpe; Phạm Trần Long dịch |
| 22 | 000000127074 | BF449 .T434S 2018 | Tư duy như Einstein: Các phương pháp đơn giản để phá vỡ nguyên tắc và khám phá khả năng thiên tài tiềm ẩn trong bạn = How to think like Einstein / Scott Thorpe; Phạm Trần Long dịch |
| 23 | 000000127139 | BF611 .M205G 2018 | Nghệ thuật theo đuổi sự tối giản = Essentialism: The Disciplined Pursuit of less / Greg Mc Keown |
| 24 | 000000127140 | BF611 .M205G 2018 | Nghệ thuật theo đuổi sự tối giản = Essentialism: The Disciplined Pursuit of less / Greg Mc Keown |
| 25 | 000000127092 | BF636.6 .Nh556đ 2018 | Những điều tuổi trẻ thường lãng phí / Trần Trọng Sâm s.t., biên dịch |
| 26 | 000000127093 | BF636.6 .Nh556đ 2018 | Những điều tuổi trẻ thường lãng phí / Trần Trọng Sâm s.t., biên dịch |
| 27 | 000000127117 | BF637 .A103D 2017 | Sẵn sàng cho mọi việc: 52 nguyên lý vàng để tăng hiệu suất trong công việc và cuộc sống = Ready for anything / David Allen; Nhiều dịch giả |
| 28 | 000000127118 | BF637 .A103D 2017 | Sẵn sàng cho mọi việc: 52 nguyên lý vàng để tăng hiệu suất trong công việc và cuộc sống = Ready for anything / David Allen; Nhiều dịch giả |
| 29 | 000000127090 | BF637 .A103J 2018 | Tôi lựa chọn chính mình: Tìm hạnh phúc, kiếm triệu đô, cuộc sống cuộc đời mơ ước = Choose yourself / James Altucher; Cẩm Chi dịch |
| 30 | 000000127091 | BF637 .A103J 2018 | Tôi lựa chọn chính mình: Tìm hạnh phúc, kiếm triệu đô, cuộc sống cuộc đời mơ ước = Choose yourself / James Altucher; Cẩm Chi dịch |
| 31 | 000000127051 | BF637 .C427H 2019 | Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì = You can negotiate anything / Herb Cohen; Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi dịch |
| 32 | 000000127050 | BF637 .C427H 2019 | Bạn có thể đàm phán bất cứ điều gì = You can negotiate anything / Herb Cohen; Nguyễn Vũ Thành, Minh Khôi dịch |
| 33 | 000000127096 | BF637 .G435P 2017 | Hãy sống cuộc đời như bạn muốn: Cuốn sách dành riêng cho những ai muốn thay đổi thái độ, nắm bắt đam mê và trân trọng cuộc sống / Pam Grout; Linh Giang dịch |

| | | | |
|----|--------------|-----------------------|--|
| 34 | 000000127097 | BF637 .G435P 2017 | Hãy sống cuộc đời như bạn muốn: Cuốn sách dành riêng cho những ai muốn thay đổi thái độ, nắm bắt đam mê và trân trọng cuộc sống / Pam Grout; Linh Giang dịch |
| 35 | 000000127067 | BF637 .P110K 2018 | Nghệ thuật đàm phán đỉnh cao: Sự khác biệt giữa người chiến thắng và kẻ thua cuộc trên bàn đàm phán = Crucial conversations: Tools for talking when stakes are high / Kerry Patterson...[và những người khác]; Minh Hiếu dịch |
| 36 | 000000127068 | BF637 .P110K 2018 | Nghệ thuật đàm phán đỉnh cao: Sự khác biệt giữa người chiến thắng và kẻ thua cuộc trên bàn đàm phán = Crucial conversations: Tools for talking when stakes are high / Kerry Patterson...[và những người khác]; Minh Hiếu dịch |
| 37 | 000000127135 | BF637 .U521W 2019 | Đàm phán với chính mình: 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình = Getting to yes with yourself / William Ucry; Vũ Minh Tân dịch |
| 38 | 000000127136 | BF637 .U521W 2019 | Đàm phán với chính mình: 6 bước để trở thành người bạn tốt nhất của chính mình = Getting to yes with yourself / William Ucry; Vũ Minh Tân dịch |
| 39 | 000000127088 | BF698 .TR121T 2017 | Tìm đường tuổi 20s: Tuổi trẻ đam mê và hành trình khám phá bản thân / Trần, Thị Thùy Trang |
| 40 | 000000127089 | BF698 .TR121T 2017 | Tìm đường tuổi 20s: Tuổi trẻ đam mê và hành trình khám phá bản thân / Trần, Thị Thùy Trang |
| 41 | 000000127078 | BF698.9 .B312 2018 | Phù phép 8 tiếng làm việc hiệu quả / Bino |
| 42 | 000000127079 | BF698.9 .B312 2018 | Phù phép 8 tiếng làm việc hiệu quả / Bino |
| 43 | 000000127077 | BF724.5 .J112M 2019 | Tuổi 20 những năm tháng quyết định cuộc đời bạn = The defining decade / Meg Jay; Ngọc Bích dịch |
| 44 | 000000127080 | BJ1589 .M111J 2018 | 10 nguyên tắc vàng để sống không hối tiếc = Intentional living / John C. Maxwell; Nguyễn Hương Giang dịch |
| 45 | 000000127081 | BJ1589 .M111J 2018 | 10 nguyên tắc vàng để sống không hối tiếc = Intentional living / John C. Maxwell; Nguyễn Hương Giang dịch |
| 46 | 000000127052 | BJ1597 .A105A 2018 | Điều nhỏ nhất tạo nên số phận = The noticer returns: Sometimes you find perspective, and sometimes perspective finds you / Andy Andrews; Thảo Ly dịch |
| 47 | 000000127053 | BJ1597 .A105A 2018 | Điều nhỏ nhất tạo nên số phận = The noticer returns: Sometimes you find perspective, and sometimes perspective finds you / Andy Andrews; Thảo Ly dịch |
| 48 | 000000127101 | BJ1611 .C109H 2019 | Để làm nên sự nghiệp: 400 điều bạn không được học ở trường / H. N. Casson; Alpha Books dịch |
| 49 | 000000127102 | BJ1611 .C109H 2019 | Để làm nên sự nghiệp: 400 điều bạn không được học ở trường / H. N. Casson; Alpha Books dịch |
| 50 | 000000127147 | BJ1729 .Nh556q 2019 | Những quy tắc để sống khỏe = The rules of healthy life / Alpha Book biên soạn |
| 51 | 000000127112 | G439 .TR121L 2019 | Đi như tờ giấy trắng / Trần Thùy Linh |
| 52 | 000000127111 | G439 .TR121L 2019 | Đi như tờ giấy trắng / Trần Thùy Linh |
| 53 | 000000127143 | GV1061.23 .F312A 2020 | Chạy bộ cùng người Kenya: Đi tìm bí mật những đôi chân gió = Running with the Kenyans / Adharanand Finn; Nguyễn Kiến Quốc dịch |
| 54 | 000000127144 | GV1061.23 .F312A 2020 | Chạy bộ cùng người Kenya: Đi tìm bí mật những đôi chân gió = Running with the Kenyans / Adharanand Finn; Nguyễn Kiến Quốc dịch |

| | | | |
|----|--------------|---------------------|--|
| 55 | 000000127037 | HD30.28 .P434M 2019 | On Strategy = Chiến lược: Năm áp lực cạnh tranh làm nên một chiến lược / Michael E. Porter; Phạm Khuyên dịch |
| 56 | 000000127038 | HD30.28 .P434M 2019 | On Strategy = Chiến lược: Năm áp lực cạnh tranh làm nên một chiến lược / Michael E. Porter; Phạm Khuyên dịch |
| 57 | 000000127039 | HD45 .T429S 2019 | On Innovation = Đổi mới sáng tạo: Sáu quan niệm sai lầm trong phát triển sản phẩm / Stefan Thomke, Donald Reinertsen; NC Titi dịch |
| 58 | 000000127040 | HD45 .T429S 2019 | On Innovation = Đổi mới sáng tạo: Sáu quan niệm sai lầm trong phát triển sản phẩm / Stefan Thomke, Donald Reinertsen; NC Titi dịch |
| 59 | 000000127150 | HD50 .H103m 2017 | 20 phút ủy thác công việc = 20 minute manager: Delegating work / Thu Huyền dịch |
| 60 | 000000127151 | HD50 .H103m 2017 | 20 phút ủy thác công việc = 20 minute manager: Delegating work / Thu Huyền dịch |
| 61 | 000000127056 | HD53 .A103C 2018 | Mỗi ngày 10 ý tưởng: Rèn luyện cơ bắp sáng tạo = Become an idea machine: because ideas are the currency of the 21st century / Claudia Azula Altucher; Quế Chi dịch |
| 62 | 000000127057 | HD53 .A103C 2018 | Mỗi ngày 10 ý tưởng: Rèn luyện cơ bắp sáng tạo = Become an idea machine: because ideas are the currency of the 21st century / Claudia Azula Altucher; Quế Chi dịch |
| 63 | 000000127058 | HD53 .K201T 2019 | Tự tin sáng tạo: Nếu muốn trở nên sáng tạo hơn bạn chỉ cần sống tự nhiên hơn = Creative confidence / Tom Kelley, David Kelley; Hồng Hải dịch |
| 64 | 000000127059 | HD53 .K201T 2019 | Tự tin sáng tạo: Nếu muốn trở nên sáng tạo hơn bạn chỉ cần sống tự nhiên hơn = Creative confidence / Tom Kelley, David Kelley; Hồng Hải dịch |
| 65 | 000000127035 | HD57.7 .G428D 2019 | On Leadership = Lãnh đạo: Điều gì làm nên một nhà lãnh đạo hiệu quả / Daniel Goleman; Tuyết Quỳnh dịch |
| 66 | 000000127036 | HD57.7 .G428D 2019 | On Leadership = Lãnh đạo: Điều gì làm nên một nhà lãnh đạo hiệu quả / Daniel Goleman; Tuyết Quỳnh dịch |
| 67 | 000000127075 | HD57.7 .M111J 2019 | Phát triển kỹ năng lãnh đạo = Developing the leader within you / John. C. Maxwell; Đinh Việt Hòa, Nguyễn Thị Kim Oanh dịch; Lê Duy Hiếu hiệu đính |
| 68 | 000000127076 | HD57.7 .M111J 2019 | Phát triển kỹ năng lãnh đạo = Developing the leader within you / John. C. Maxwell; Đinh Việt Hòa, Nguyễn Thị Kim Oanh dịch; Lê Duy Hiếu hiệu đính |
| 69 | 000000127114 | HD62.5 .F609P 2018 | Đừng khởi sự khi còn do dự: Để khởi nghiệp mà không sạt nghiệp / |
| 70 | 000000127113 | HD62.5 .F609P 2018 | Đừng khởi sự khi còn do dự: Để khởi nghiệp mà không sạt nghiệp / |
| 71 | 000000127065 | HD66 .M111J 2019 | 17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm = The 17 indisputable laws of teamwork / John C. Maxwell; Đức Anh dịch |
| 72 | 000000127066 | HD66 .M111J 2019 | 17 nguyên tắc vàng trong làm việc nhóm = The 17 indisputable laws of teamwork / John C. Maxwell; Đức Anh dịch |
| 73 | 000000127125 | HD66 .PH105T 2019 | Làm việc nhóm: Từ A đến Z / Phan Văn Hồng Thắng |
| 74 | 000000127126 | HD66 .PH105T 2019 | Làm việc nhóm: Từ A đến Z / Phan Văn Hồng Thắng |

| | | | |
|----|--------------|---------------------|---|
| 75 | 000000127048 | HD69 .A103D 2017 | Hoàn thành mọi việc không hề khó: Nghệ thuật thực thi không căng thẳng / David Allen; Hương Lan, Thanh Huyền dịch |
| 76 | 000000127049 | HD69 .A103D 2017 | Hoàn thành mọi việc không hề khó: Nghệ thuật thực thi không căng thẳng / David Allen; Hương Lan, Thanh Huyền dịch |
| 77 | 000000127107 | HD69 .K521K 2019 | Người thành công không bao giờ trì hoãn : 15 bí quyết quản lý thời gian hiệu quả = 15 laws successful people know about time management / Kevin Kruse; Lê Na dịch |
| 78 | 000000127108 | HD69 .K521K 2019 | Người thành công không bao giờ trì hoãn : 15 bí quyết quản lý thời gian hiệu quả = 15 laws successful people know about time management / Kevin Kruse; Lê Na dịch |
| 79 | 000000127103 | HF5381 .M109-O 2020 | Người chọn nghề hay nghề chọn người = How to choose your career / Orison Swett Marden; Trịnh Hoàng Kim Phượng dịch |
| 80 | 000000127104 | HF5381 .M109-O 2020 | Người chọn nghề hay nghề chọn người = How to choose your career / Orison Swett Marden; Trịnh Hoàng Kim Phượng dịch |
| 81 | 000000127063 | HF5381 .Z302S 2018 | Nghề nào cho bạn nghề nào cho tôi: Kết nối đam mê tới thành công = Career match / Shoya Zichy, Ann Bidou; Nguyễn Hồng Tâm dịch |
| 82 | 000000127064 | HF5381 .Z302S 2018 | Nghề nào cho bạn nghề nào cho tôi: Kết nối đam mê tới thành công = Career match / Shoya Zichy, Ann Bidou; Nguyễn Hồng Tâm dịch |
| 83 | 000000127082 | HF5386 .A109P 2018 | Nghĩ ngược lại và làm khác đi = Whatever you think, think the opposite / Paul Arden; Thảo Quỳnh dịch |
| 84 | 000000127083 | HF5386 .A109P 2018 | Nghĩ ngược lại và làm khác đi = Whatever you think, think the opposite / Paul Arden; Thảo Quỳnh dịch |
| 85 | 000000127094 | HF5386 .D561T 2019 | Được việc: Bí kíp làm nhân viên bình thường / Dương Trọng Tấn |
| 86 | 000000127095 | HF5386 .D561T 2019 | Được việc: Bí kíp làm nhân viên bình thường / Dương Trọng Tấn |
| 87 | 000000127127 | HF5386 .S314K 2018 | 10 điều khác biệt nhất giữa kẻ thắng và người thua = The top 10 distinctions between winners and whiners / Keith Cameron Smith; Khánh Chương dịch |
| 88 | 000000127128 | HF5386 .S314K 2018 | 10 điều khác biệt nhất giữa kẻ thắng và người thua = The top 10 distinctions between winners and whiners / Keith Cameron Smith; Khánh Chương dịch |
| 89 | 000000127131 | HF5386 .T102B 2019 | Crunch point = Thuật quản lý khủng hoảng bản thân / Brian Tracy; Jessy dịch |
| 90 | 000000127132 | HF5386 .T102B 2019 | Crunch point = Thuật quản lý khủng hoảng bản thân / Brian Tracy; Jessy dịch |
| 91 | 000000127069 | HF5415 .R302A 2017 | Tập trung hay là chết?: Chiến lược doanh nghiệp = Focus: The future of your company depends on it / Al Ries; Phương Thảo, Hoài Thanh, Mai Nga dịch |
| 92 | 000000127070 | HF5415 .R302A 2017 | Tập trung hay là chết?: Chiến lược doanh nghiệp = Focus: The future of your company depends on it / Al Ries; Phương Thảo, Hoài Thanh, Mai Nga dịch |

| | | | |
|-----|--------------|------------------------|--|
| 93 | 000000127041 | HF5415.13 .E201D 2019 | On strategic marketing = Marketing chiến lược: Xây dựng thương hiệu trong kỷ nguyên số / David C. Edelman; Hoàng Hưng dịch |
| 94 | 000000127042 | HF5415.13 .E201D 2019 | On strategic marketing = Marketing chiến lược: Xây dựng thương hiệu trong kỷ nguyên số / David C. Edelman; Hoàng Hưng dịch |
| 95 | 000000127141 | HF5548.83 .H103m 2017 | 20 phút quản lý sếp = 20 minute manager: Managing up / Thùy Dương dịch |
| 96 | 000000127142 | HF5548.83 .H103m 2017 | 20 phút quản lý sếp = 20 minute manager: Managing up / Thùy Dương dịch |
| 97 | 000000127109 | HF5549.5 .B105c 2016 | Bản CV hoàn hảo: Kỹ năng soạn hồ sơ ứng tuyển ấn tượng nhất / Alpha book biên soạn |
| 98 | 000000127110 | HF5549.5 .B105c 2016 | Bản CV hoàn hảo: Kỹ năng soạn hồ sơ ứng tuyển ấn tượng nhất / Alpha book biên soạn |
| 99 | 000000127129 | HF5549.5 .Ch430n 2017 | Chọn nghề theo tính cách / Alpha books biên soạn; Nguyễn Thụy Khánh Sơn chủ biên |
| 100 | 000000127130 | HF5549.5 .Ch430n 2017 | Chọn nghề theo tính cách / Alpha books biên soạn; Nguyễn Thụy Khánh Sơn chủ biên |
| 101 | 000000127043 | HF5549.5 .Ngh250t 2019 | Nghệ thuật thôi miên nhà tuyển dụng / Alpha books biên soạn |
| 102 | 000000127044 | HF5549.5 .Ngh250t 2019 | Nghệ thuật thôi miên nhà tuyển dụng / Alpha books biên soạn |
| 103 | 000000127071 | HF5718.22 .H103R 2017 | Thật đơn giản thuyết trình: Đừng chỉ thuyết trình giỏi hay thuyết trình xuất chúng = Brilliant presentation: What the best presenters know, do and say / Richard Hall; Nguyễn Thị Yến dịch |
| 104 | 000000127072 | HF5718.22 .H103R 2017 | Thật đơn giản thuyết trình: Đừng chỉ thuyết trình giỏi hay thuyết trình xuất chúng = Brilliant presentation: What the best presenters know, do and say / Richard Hall; Nguyễn Thị Yến dịch |
| 105 | 000000127152 | HF5734.50 .H103m 2017 | 20 phút hội họp hiệu quả = 20 minute manager: Running meetings / Trần Thùy Linh dịch |
| 106 | 000000127153 | HF5734.50 .H103m 2017 | 20 phút hội họp hiệu quả = 20 minute manager: Running meetings / Trần Thùy Linh dịch |
| 107 | 000000127115 | HM261 .N201H 2019 | Nghệ thuật tư duy ngược dòng = The art of contrary thinking / Humphrey B. Neill, Thùy Dương dịch |
| 108 | 000000127116 | HM261 .N201H 2019 | Nghệ thuật tư duy ngược dòng = The art of contrary thinking / Humphrey B. Neill, Thùy Dương dịch |
| 109 | 000000127098 | HQ7997 .A106P 2017 | 101 bí mật của tuổi 20 = 101 secrets for your twenties / Paul Angone; Nguyễn Nhung dịch |
| 110 | 000000127099 | LB1060 .B435P 2019 | Bí quyết học đâu nhớ đó: Phương pháp ghi nhớ khôn ngoan = Make it stick: The science of successful learning / Peter C. Brown, Mark A. McDaniel, Henry L. Roediger III; Thanh Huyền dịch |
| 111 | 000000127100 | LB2338 .CH500T 2019 | Tôi đã đi du học bằng học bổng như thế nào: Không gì là không thể nếu chúng ta biết biến ước mơ thành hành động. Tôi đã làm được thì chắc chắn các em sẽ làm được và sẽ làm tốt hơn / Chu Đình Tới |
| 112 | 000000127045 | LB2343 .S201J 2018 | Những ngã rẽ nghề nghiệp: Những điều các bạn trẻ cần biết về định vị sự nghiệp và cuộc sống trong thời đại 4.0 / Jeffrey J. Selingo; Nguyễn Huyền dịch |

| | | | |
|-----|--------------|-----------------------|--|
| 113 | 000000127046 | LB2343 .S201J 2018 | Những ngã rẽ nghề nghiệp: Những điều các bạn trẻ cần biết về định vị sự nghiệp và cuộc sống trong thời đại 4.0 / Jeffrey J. Selingo; Nguyễn Huyền dịch |
| 114 | 000000127047 | LB2343 .S201J 2018 | Những ngã rẽ nghề nghiệp: Những điều các bạn trẻ cần biết về định vị sự nghiệp và cuộc sống trong thời đại 4.0 / Jeffrey J. Selingo; Nguyễn Huyền dịch |
| 115 | 000000127060 | LC2605 .B111A 2019 | Lời hứa về một cây bút chì: Hành trình từ 25 đô la đến 250 trường học dành cho trẻ em trên toàn cầu và câu chuyện phi thường của một CEO nuôi chí thay đổi thế giới bằng giáo dục = The promise of a pencil/ Adam Braun; Hải Đăng dịch |
| 116 | 000000127086 | LC32 .I-315P 2020 | Thói quen của kẻ thắng: Những tay thắng cuộc thường hành xử như thế nào? = The habit of winning / Prakash Iyer; Đông Phong dịch |
| 117 | 000000127087 | LC32 .I-315P 2020 | Thói quen của kẻ thắng: Những tay thắng cuộc thường hành xử như thế nào? = The habit of winning / Prakash Iyer; Đông Phong dịch |
| 118 | 000000127061 | PN4129.15 .A105C 2018 | Hùng biện kiểu Ted 1: Bí quyết diễn thuyết trước đám đông chuẩn" TED = TED talks: The official TED guide to public speaking / Chris Anderson |
| 119 | 000000127062 | PN4129.15 .A105C 2018 | Hùng biện kiểu Ted 1: Bí quyết diễn thuyết trước đám đông chuẩn" TED = TED talks: The official TED guide to public speaking / Chris Anderson |
| 120 | 000000127084 | PV23 .L521D 2019 | Sống như lần đầu tiên yêu thương như lần cuối / Denley, Lupin |
| 121 | 000000127085 | PV23 .L521D 2019 | Sống như lần đầu tiên yêu thương như lần cuối / Denley, Lupin |
| 122 | 000000127054 | QP376 .E200D 2020 | Não bộ kể gì về bạn? = The Brain: The story of you / David Eagleman; Trần Tuấn Hiệp dịch |
| 123 | 000000127055 | QP376 .E200D 2020 | Não bộ kể gì về bạn? = The Brain: The story of you / David Eagleman; Trần Tuấn Hiệp dịch |